

**BẢNG GIẢI ĐÁP MỘT SỐ CÂU HỎI VỀ
NỘI DUNG CỦA THÔNG TƯ 39/2016/TT-NHNN NGÀY 30/12/2016 QUY ĐỊNH
VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG**
(Ban hành kèm theo công văn số 1576/NHNN-CSTT ngày 14 tháng 3 năm 2017)

1. Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

Câu hỏi 1: Ngân hàng Chính sách xã hội có thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư 39 không?

Trả lời: Ngân hàng Chính sách xã hội không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư 39; việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ.

Câu hỏi 2: Chi nhánh tổ chức tín dụng Việt Nam được thành lập và hoạt động ở nước ngoài có thực hiện hoạt động cho vay theo quy định tại Thông tư 39 không?

Trả lời: Chi nhánh tổ chức tín dụng Việt Nam được thành lập và hoạt động ở nước ngoài không phải thực hiện hoạt động cho vay theo quy định tại Thông tư 39.

2. Điều 2: Giải thích từ ngữ

Câu hỏi 3: Khoản 3 Điều 2 Thông tư 39 quy định khách hàng vay vốn tại tổ chức tín dụng là pháp nhân, cá nhân. Vậy các đối tượng khác không có tư cách pháp nhân như tổ hợp tác, hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân có nhu cầu vay vốn thì thực hiện cho vay như thế nào?

Trả lời: Khoản 3 Điều 2 Thông tư 39 quy định khách hàng vay vốn tại tổ chức tín dụng là pháp nhân, cá nhân; quy định này phù hợp với quy định về chủ thể tham gia giao dịch dân sự tại Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với tổ chức không có tư cách pháp nhân, thì tổ chức tín dụng xem xét cho vay đối với cá nhân (một hoặc một số cá nhân) phù hợp với các quy định tại Thông tư 39 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

Câu hỏi 4: Khoản 4 Điều 2 Thông tư 39 quy định cho vay phục vụ nhu cầu đời sống bao gồm việc TCTD cho vay đối với khách hàng là cá nhân để thanh toán các chi phí cho mục đích sinh hoạt gia đình của cá nhân đó. Vậy xác định mối quan hệ gia đình như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình, thì gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo đó, tổ chức tín dụng cần căn cứ quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình để xác định mối quan hệ gia đình, từ đó xem xét quyết định việc cho vay đối với cá nhân để thanh toán các chi phí cho mục đích sinh hoạt gia đình của cá nhân đó cho phù hợp.

Câu hỏi 5: Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống có bao gồm việc cho vay để chứng minh khả năng tài chính khi làm thủ tục du học, chữa bệnh ở nước ngoài?

Trả lời: Nhu cầu vay vốn để chứng minh khả năng tài chính khi làm thủ tục du học, chữa bệnh ở nước ngoài là nhu cầu vay vốn để gửi tiền tại tổ chức tín dụng nhằm chứng minh khả năng tài chính, không phải là nhu cầu vay vốn cho việc du học, chữa bệnh ở nước ngoài nên không phải là nhu cầu vay vốn phục vụ đời sống theo quy định tại Thông tư 39.

Câu hỏi 6: Đối với cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, thì phương án sử dụng vốn có cần bao gồm thông tin về phương án phục vụ nhu cầu đời sống không?

Trả lời: Theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 2 Thông tư 39, thì phương án sử dụng vốn là tập hợp các thông tin về việc sử dụng vốn của khách hàng, trong đó phải có thông tin về phương án, dự án thực hiện hoạt động kinh doanh (trừ nhu cầu vốn phục vụ đời sống). Theo đó, trường hợp khách hàng vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống, thì phương án sử dụng vốn của khách hàng không bao gồm thông tin về phương án, dự án phục vụ nhu cầu đời sống.

Câu hỏi 7: Điểm a khoản 10 Điều 2 quy định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc tổ chức tín dụng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi. Theo đó, trường hợp khách hàng thay đổi ngày trả nợ (không thay đổi số kỳ và phân kỳ trả nợ) nhưng ngày trả nợ mới rút ngắn hơn và không bỏ qua kỳ trả nợ nào, thì có phải là điều chỉnh kỳ hạn trả nợ không?

Trả lời: Theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 2, thì trường hợp khách hàng thay đổi ngày trả nợ, như từ ngày 10 hàng tháng sang ngày 05 hàng tháng và không thay đổi số kỳ trả nợ, thì không phải là điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

3. Điều 7: Điều kiện vay vốn

Câu hỏi 8: Theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư 39, thì khách hàng vay vốn thuộc lĩnh vực nông nghiệp nông thôn muốn được vay vốn với lãi suất cho vay tối đa theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 39 phải được đánh giá có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh. Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện để chứng minh có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh nhưng vẫn đủ điều kiện để cho vay thì tổ chức tín dụng có được cho vay theo mức lãi suất thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư 39 không?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 5 Điều 7, khoản 2 Điều 13 và khoản 1 Điều 16 Thông tư 39, thì tổ chức tín dụng phải xây dựng các tiêu chí xác định khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh được vay vốn theo lãi suất cho vay tối đa nhằm đáp ứng một số nhu cầu vốn; có trách nhiệm cung cấp cho khách hàng các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn này. Trường hợp khách hàng không đáp ứng các tiêu chí của tổ chức tín dụng về việc xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay tối đa, nhưng vẫn đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định tại Thông tư 39, thì được tổ chức tín dụng xem xét

quyết định cho vay theo lãi suất cho vay thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư 39.

4. Điều 8: Những nhu cầu vốn không được cho vay

Câu hỏi 9: *Tổ chức tín dụng có được cho vay để mua vàng trang sức?*

Trả lời: Khoản 4 Điều 8 Thông tư 39 quy định tổ chức tín dụng không được cho vay để mua vàng miếng; do đó đối với nhu cầu vay vốn để mua vàng trang sức, tổ chức tín dụng được xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định tại Thông tư 39.

Câu hỏi 10: *Thông tư 39 không quy định bãi bỏ công văn số 6960/NHNN-TTGSNH ngày 16/9/2016 về việc yêu cầu dừng việc cho vay mới trả nợ trước hạn và cấp tín dụng theo hình thức cho vay tuần hoàn. Theo đó, TCTD có được phép cho vay để trả nợ trước hạn, cho vay tuần hoàn không?*

Trả lời: Thông tư 39 có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2017, trong đó có quy định về trường hợp cho vay trả nợ khoản vay tại tổ chức tín dụng cho vay, tổ chức tín dụng khác và phương thức cho vay tuần hoàn. Theo đó, từ ngày 15/3/2017, việc cho vay để trả nợ khoản cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng và cho vay theo phương thức cho vay tuần hoàn, tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư 39.

Câu hỏi 11: *Điều 8 Thông tư 39 quy định tổ chức tín dụng không được cho vay đối với một số nhu cầu vốn, vậy tổ chức tín dụng có được cho vay đối với các nhu cầu vốn để trả nợ cá nhân và tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng?*

Trả lời: Tổ chức tín dụng căn cứ vào khoản 1, 2 và 3 Điều 8 Thông tư 39 để xác định nhu cầu vay vốn để trả nợ cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng có thuộc nhu cầu vốn không được cho vay. Trường hợp không thuộc nhu cầu vốn không được cho vay, thì TCTD có thể xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn quy định tại Thông tư 39 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Câu hỏi 12: *Khoản vay của khách hàng tại tổ chức tín dụng khác có nhiều kỳ hạn trả nợ, trong đó có một kỳ hạn đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Tổ chức tín dụng có được cho vay để trả nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay đó không?*

Trả lời: Khoản vay có một kỳ hạn được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì khoản vay đó đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Do đó, theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Thông tư 39 tổ chức tín dụng không được cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay này.

Câu hỏi 13: *Trường hợp khách hàng có khoản vay tại tổ chức tín dụng đến hạn nhưng số tiết kiệm chưa đến hạn rút, khách hàng muốn cầm cố số tiết kiệm để vay vốn trả nợ tổ chức tín dụng có được không?*

Trả lời: Theo quy định tại Bộ luật dân sự 2015, thì việc cầm cố sổ tiết kiệm để vay vốn là một biện pháp bảo đảm tiền vay. Do đó, theo quy định tại khoản 5

và khoản 6 Điều 8 Thông tư 39, tổ chức tín dụng không được cho vay đối với khách hàng cầm cố sổ tiết kiệm vay vốn để trả nợ khoản vay đến hạn tại tổ chức tín dụng.

5. Điều 15: Lãi suất cho vay

Câu hỏi 14: Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư 39, thì tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay. Vậy mức lãi suất cho vay thỏa thuận này có phải thực hiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự không?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, thì lãi suất thỏa thuận của khoản tiền vay không được vượt quá 20%/năm trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác; theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 91 Luật các TCTD 2010, thì TCTD và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất cho vay theo quy định của pháp luật; trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, NHNN có quyền quy định lãi suất trong hoạt động kinh doanh của TCTD. Như vậy, Luật các TCTD năm 2010 có quy định khác về lãi suất cho vay so với quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Luật các TCTD 2010. Căn cứ khoản 3 Điều 90, khoản 2 Điều 91 Luật các TCTD 2010, Thông tư số 39 đã quy định cụ thể về lãi suất cho vay. Theo đó, lãi suất cho vay do TCTD và khách hàng thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng; trừ trường hợp khách hàng vay vốn nhằm đáp ứng một số nhu cầu vốn và khách hàng này đáp ứng các điều kiện vay vốn, được TCTD đánh giá là có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, thì lãi suất cho vay do TCTD và khách hàng thỏa thuận, nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc NHNN quyết định trong từng thời kỳ.

Câu hỏi 15: TCTD có thể không ghi mức % lãi suất cụ thể trong thỏa thuận cho vay mà chỉ đề cập lãi suất vay sẽ được áp dụng cho từng lần rút vốn vay và sẽ được nêu rõ trong đơn rút vốn vay kiêm kế ước nhận nợ" hay không?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 23 Thông tư 39, thì thỏa thuận cho vay phải được lập thành văn bản dưới hình thức thỏa thuận cho vay cụ thể hoặc thỏa thuận khung và thỏa thuận cho vay cụ thể và tối thiểu có 14 nội dung, trong đó có nội dung về lãi suất cho vay và mức lãi suất quy đổi theo tỷ lệ %/năm tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế đó. Như vậy, tùy theo hình thức của thỏa thuận cho vay, thỏa thuận về lãi suất cho vay phải được quy định cụ thể tại thỏa thuận cho vay (có thể là kế ước nhận nợ).

Câu hỏi 16: Trường hợp khoản vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, TCTD có thể áp dụng lãi suất phạt chậm trả đối với dư nợ gốc, nợ lãi tiền vay trong thời gian được gia hạn?

Trả lời: Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39, trường hợp khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận thì khách hàng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng

và khách hàng thỏa thuận, nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Như vậy, khi khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi, kể cả trường hợp khoản vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì tổ chức tín dụng có thể thỏa thuận với khách hàng áp dụng lãi suất chậm trả đối với số dư lãi chậm trả nhưng không vượt quá 10%/năm. Theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39, tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc bị quá hạn do khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Như vậy, trường hợp được gia hạn nợ, tổ chức tín dụng không áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với dư nợ gốc được gia hạn nợ trong thời gian được gia hạn nợ.

Câu hỏi 17: Đề nghị giải thích mức lãi suất cho vay thấp nhất tại Khoản 5 Điều 13:

Trả lời: Quy định về mức lãi suất thấp nhất tại khoản 5 Điều 13 Thông tư 39 là nhằm tăng tính minh bạch về lãi suất cho vay trong trường hợp cho vay theo lãi suất điều chỉnh. Do đó, trường hợp TCTD thỏa thuận với khách hàng về mức lãi suất cho vay điều chỉnh trong từng thời kỳ, như lãi suất cho vay bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ 4%/năm và tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, tổ chức tín dụng đang yết niêm yết 03 mức lãi suất tiền gửi khác nhau áp dụng đối với kỳ 12 tháng, thì tổ chức tín dụng cần lựa chọn mức lãi suất tiền gửi 12 tháng thấp nhất để xác định lãi suất cho vay của kỳ điều chỉnh.

Câu hỏi 18: Việc hạch toán và tính lãi của khoản vay được thực hiện theo quy định tại Thông tư 39 hay thực hiện theo quy định của NHNN về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của các TCTD (Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN)?

Trả lời: Thông tư 39 không quy định việc hạch toán, cách tính lãi của khoản vay, do vậy việc hạch toán và tính lãi của khoản vay thực hiện theo quy định hiện hành của NHNN về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của các TCTD (Hiện nay, là Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN).

Câu hỏi 19: Cách ghi lãi suất cho vay trong trường hợp TCTD và khách hàng thỏa thuận mức lãi suất khác không theo phương pháp tính lãi quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư 39?

Trả lời: Trường hợp TCTD thỏa thuận với khách hàng về mức lãi suất không theo tỷ lệ %/năm (một năm là 365 ngày) và/hoặc phương pháp tính lãi không áp dụng phương pháp tính lãi theo số dư nợ cho vay thực tế, thì tại văn bản thỏa thuận về cho vay, TCTD và khách hàng phải quy đổi và thỏa thuận thêm mức lãi suất cho vay theo tỷ lệ %/năm (một năm là 365 ngày) theo phương pháp tính lãi theo số dư nợ cho vay thực tế theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư 39.

Ví dụ: TCTD và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay, thời hạn cho vay là 30 ngày, mức lãi suất cho vay là 7,5%/năm (cơ sở tính một năm là 360 ngày). Theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư 39, thì TCTD phải tính mức

lãi suất cho vay quy đổi theo tỷ lệ %/năm (một năm là 365 ngày), phương pháp tính lãi theo số dư nợ cho vay thực tế và thỏa thuận với khách hàng tại hợp đồng cho vay. Theo đó, tại hợp đồng cho vay ngoài mức lãi suất theo thỏa thuận (7,5%/năm), TCTD phải quy đổi và thỏa thuận thêm mức lãi suất theo tỷ lệ %/năm (một năm là 365 ngày) là: $(7,5\%/năm : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày} = 7,6042\%/năm$ (một năm là 365 ngày).

6. Điều 14: Phí liên quan đến hoạt động cho vay

Câu hỏi 20: *Đối với khoản vay có thời hạn rút vốn dài và được chia làm nhiều giai đoạn, mỗi một giai đoạn khách hàng cam kết rút một số tiền cụ thể, nếu khách hàng không rút vốn theo đúng cam kết ở những giai đoạn sau ngày giải ngân đầu tiên thì ngân hàng có được thu phí cam kết cho những giai đoạn đó hay không?*

Trả lời: Theo quy định tại Điều 14 Thông tư 39, phí cam kết rút vốn chỉ áp dụng một lần từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu.

7. Điều 16: Cung cấp thông tin

Câu hỏi 21: *TCTD có thể cung cấp cho khách hàng đầy đủ các thông tin trước khi xác lập thỏa thuận cho vay thông qua việc công khai những thông tin này tại quầy giao dịch và/hoặc website chính thức của tổ chức tín dụng hay không?*

Trả lời: Hình thức cung cấp thông tin theo Điều 16 Thông tư 39 giữa tổ chức tín dụng và khách hàng được thực hiện phù hợp với thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng trên cơ sở quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.

8. Điều 18: Trả nợ gốc và lãi tiền vay

Câu hỏi 22: *Trong trường hợp khách hàng bị quá hạn nợ lãi thì thứ tự thu nợ thực hiện như thế nào? Khách hàng quá hạn nợ lãi, chưa quá hạn nợ gốc. Đến ngày thanh toán nợ gốc, khách hàng có dòng tiền chuyển về nhưng dòng tiền không đủ để thu cả nợ gốc đến hạn và lãi đã quá hạn, TCTD thực hiện thu nợ theo thứ tự nào?*

Trả lời: Đối với trường hợp khoản vay chưa quá hạn nợ gốc, thì việc thu hồi nợ gốc, nợ lãi thực hiện theo thỏa thuận giữa TCTD và khách hàng tại thỏa thuận cho vay. Trường hợp khoản nợ vay bị quá hạn nợ gốc, thì tổ chức tín dụng áp dụng thu nợ gốc trước, nợ lãi tiền vay sau.

9. Điều 19: Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Câu hỏi 23: *Việc rút ngắn kỳ hạn trả nợ có được xem là cơ cấu lại thời hạn trả nợ? Trường hợp thay đổi số tiền trả nợ của từng kỳ hạn trả nợ (số kỳ trả nợ, thời hạn cho vay không thay đổi), có được xem là cơ cấu lại thời hạn trả nợ? Trường hợp khách hàng đề nghị kéo dài ngày trả nợ do nguồn trả nợ thay đổi (nguồn từ lương thay đổi ngày nhận lương) có bị coi là cơ cấu lại thời hạn trả nợ?*

Trả lời: Theo quy định tại khoản 10 Điều 2 và Điều 19 Thông tư 39, thì trường hợp rút ngắn kỳ hạn trả nợ không phải là cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Việc thay đổi số tiền trả nợ của từng kỳ hạn trả nợ theo hướng số tiền trả đầu kỳ ít hơn và chuyển số tiền trả nợ nhiều hơn vào các kỳ tiếp theo hoặc kéo dài thời gian trả nợ của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận là các trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Câu hỏi 24: Khoản vay có nhiều kỳ hạn trả nợ, kỳ thứ nhất bị quá hạn, thì kỳ 2 có xem xét cơ cấu thời hạn trả nợ không?

Trả lời: Tổ chức tín dụng không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản vay đã có một kỳ hoặc nhiều kỳ hạn bị quá hạn trả nợ.

10. Điều 20: Nợ quá hạn

Câu hỏi 25: Trường hợp khoản vay chưa bị quá hạn trả nợ gốc nhưng có lãi tiền vay không trả đúng hạn thì có bị chuyển nợ quá hạn hay không?

Trả lời: Điều 20 Thông tư 39 quy định tổ chức tín dụng thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Quy định về nợ quá hạn này là nhằm xác định trạng thái khoản nợ (trong hạn hay quá hạn), thời điểm chuyển khoản nợ từ trong hạn sang quá hạn, số dư nợ bị chuyển sang quá hạn và là căn cứ để tính lãi quá hạn; việc kiểm soát chất lượng tín dụng của khách hàng vay đã được quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN. Do đó, trường hợp khách hàng có lãi tiền vay quá hạn thanh toán theo thỏa thuận, thì tổ chức tín dụng không bắt buộc phải chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn. Tuy nhiên, khi khách hàng có lãi tiền vay quá hạn, thì tổ chức tín dụng có thể thực hiện quyền đơn phương chấm dứt cho vay, thu nợ vay trước hạn theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng trong thỏa thuận cho vay phù hợp với quy định tại Điều 21 Thông tư 39.

Câu hỏi 26: Việc chuyển nợ quá hạn chỉ áp dụng đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn. Quy định này có mâu thuẫn với quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN?

Trả lời: Việc chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Thông tư 39 nhằm mục đích xác định thời điểm chuyển nợ quá hạn, dư nợ quá hạn để tính lãi suất quá hạn; còn việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN.

11. Điều 23: Thỏa thuận cho vay

Câu hỏi 27: Ngân hàng ký hợp đồng vay với khách hàng là hợp đồng cho vay có hạn mức và hạn mức đó thể hiện bằng USD, tuy nhiên trong hợp đồng ghi rõ điều kiện giải ngân là tiền VND hoặc USD hoặc tương đương loại ngoại tệ khác tùy theo mục đích vay vốn. Vậy trong hợp đồng ghi đồng tiền giải ngân quy định đồng tiền nào thì đồng tiền trả nợ sẽ là đồng tiền đó, thì có đúng theo yêu cầu của Thông tư 39 không?

Trả lời: Tại văn bản thỏa thuận về cho vay (thỏa thuận cụ thể hoặc thỏa thuận khung và thỏa thuận cụ thể) cần quy định cụ thể đồng tiền cho vay và đồng tiền trả nợ phù hợp với quy định tại Thông tư 39.

12. Điều 24: Kiểm tra sử dụng tiền vay

Câu hỏi 28: Trong trường hợp vay cầm cố sổ tiết kiệm thì khách hàng có cần cung cấp tài liệu chứng minh?

Trả lời: Theo quy định tại Bộ luật dân sự 2015, thì việc cầm cố sổ tiết kiệm để vay vốn là một biện pháp bảo đảm tiền vay. Do đó, theo quy định tại Thông tư 39, khách hàng vay đều phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn và phải cung cấp cho TCTD các tài liệu chứng minh đủ điều kiện vay vốn, kể cả cho vay cầm cố sổ tiết kiệm.

Câu hỏi 29: Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 thì có thể hiểu là TCTD có quyền nhưng không có nghĩa vụ yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn không?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 3 Điều 94 Luật các TCTD, thì tổ chức tín dụng có quyền và nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng. Do vậy, TCTD có nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của khách hàng.

13. Điều 25: Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

Câu hỏi 30: Trong thỏa thuận cho vay, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về việc khách hàng cam kết rút vốn tối thiểu theo một tỷ lệ tương ứng với hạn mức vay nhưng tại thời điểm giải ngân, khách hàng rút vốn thấp hơn tỷ lệ thỏa thuận thì ngân hàng có thể thực hiện phạt vi phạm đối với khách hàng không?

Trả lời: Việc phạt vi phạm được thực hiện thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng tại thỏa thuận cho vay (không được thỏa thuận phạt vi phạm đối với vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi).

14. Điều 27: Phương thức cho vay

Câu hỏi 31: Trong phương thức cho vay theo hạn mức, mỗi lần giải ngân, tổ chức tín dụng và khách hàng có phải thực hiện thủ tục cho vay và ký kết thỏa thuận cho vay không?

Trả lời: Trong phương thức cho vay theo hạn mức, TCTD thực hiện ký kết hợp đồng hạn mức (hợp đồng khung) và mỗi lần thực hiện cho vay, TCTD ký kết một thỏa thuận cho vay cụ thể (có thể là giấy nhận nợ). Như vậy, thỏa thuận cho vay đối với trường hợp cho vay theo phương thức hạn mức sẽ bao gồm một hợp đồng hạn mức và các thỏa thuận cho vay cụ thể.

Câu hỏi 32: Thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay dự phòng không vượt quá 01 năm được hiểu như thế nào?

Trả lời: Thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay dự phòng không quá 01 năm được hiểu là thời hạn có hiệu lực của một hạn mức cho vay dự phòng không quá 01 năm từ ngày có hiệu lực.

Câu hỏi 33: Trong phương thức cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản tại khoản 6 Điều 27 Thông tư 39 thì khách hàng chỉ được sử dụng hạn mức thấu chi để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán đúng không? Dịch vụ thanh toán trong trường hợp này được hiểu như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Thông tư 39, phương thức cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán là việc khách hàng chỉ được sử dụng số tiền được thấu chi trên tài khoản thanh toán để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán theo quy định tại Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012, Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014.

Câu hỏi 34: Hạn mức thấu chi tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian 01 năm được hiểu là khách hàng được sử dụng hạn mức thấu chi trong 01 năm? Mỗi năm có được gia hạn thời hạn này không. Khoản vay theo hạn mức thấu chi có chịu sự điều chỉnh về thủ tục cho vay, giám sát mục đích sử dụng vốn vay?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Thông tư 39, thì sau khi kết thúc 01 năm duy trì hạn mức thấu chi, tổ chức tín dụng và khách hàng phải ký kết lại hợp đồng hạn mức thấu chi; việc cho vay theo phương thức cho vay thấu chi, tổ chức tín dụng và khách hàng cần tuân thủ đúng quy định tại Thông tư 39, trong đó có cả nội dung về thủ tục vay vốn và giám sát mục đích sử dụng vốn vay.

Câu hỏi 35: Quy định về cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán có cho phép khách hàng sử dụng hạn mức thấu chi dưới hình thức rút tiền mặt thông qua thẻ ghi nợ tại Thông tư 19?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, thì việc cho vay theo hạn mức thấu chi đối với thẻ ghi nợ thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước về cho vay. Theo đó, việc cho vay theo hạn mức thấu chi đối với thẻ ghi nợ thực hiện theo quy định tại Thông tư 39. Vì vậy, khách hàng không được sử dụng hạn mức thấu chi dưới hình thức rút tiền mặt thông qua thẻ ghi nợ.

Câu hỏi 36: Đề nghị giải thích sự khác biệt giữa phương thức cho vay quay vòng và cho vay tuần hoàn và hướng dẫn việc kiểm tra khách hàng có nợ xấu tại ngân hàng khác?

Trả lời: Phương thức cho vay quay vòng theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Thông tư 39 là phương thức cho vay đối với khách hàng có chu kỳ kinh doanh rất ngắn dưới 01 (một) tháng. Để tạo điều kiện cho khách hàng không phải đến TCTD để làm thủ tục vay vốn cho khoản tiếp theo, thì TCTD xem xét cho khách hàng vay vốn từ ban đầu với thời hạn cho vay dài hơn 01 (một) chu kỳ hoạt động kinh doanh và tối đa không quá 03 tháng; để thực hiện phương thức này, TCTD cần xây dựng quy trình nội bộ để kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.

Phương thức cho vay tuần hoàn thường áp dụng đối với chu kỳ kinh doanh của khách hàng dài hơn (thường là trên 06 (sáu) tháng). Theo phương thức này, khách hàng có thể vay vốn với thời hạn ngắn hạn (ví dụ 01 (một) tháng) do có thể có dòng tiền để trả nợ cho TCTD; theo đó, TCTD và khách hàng thỏa thuận ngay từ ban đầu tại thỏa thuận cho vay về việc khách hàng sẽ vay vốn 01 tháng và cho phép khách hàng có quyền lựa chọn hoặc trả nợ khi đến hạn hoặc tự động kéo dài thời hạn vay, tối đa không quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng. Tổng thời hạn vay vốn của phương thức cho vay này được hiểu là bắt đầu từ khoản vay đầu tiên đến khi khách hàng trả toàn bộ gốc và lãi khoản vay và tối đa không quá 1 năm.

Câu hỏi 37: Trong phương thức cho vay tuần hoàn, việc kéo dài thời hạn trả nợ có phải là điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hay không? Nếu coi là điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì khách hàng có bị hạ bậc tín dụng không?

Trả lời: Việc kéo dài thời hạn cho vay theo phương thức cho vay tuần hoàn không được xem là điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, do việc kéo dài thời hạn cho vay được thỏa thuận ngay từ ban đầu khi ký kết hợp đồng cho vay. Đồng thời, trong suốt thời gian vay vốn khách hàng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Thông tư 39 và TCTD có quy trình kiểm soát về vấn đề này.

Câu hỏi 38: Trong phương thức cho vay tuần hoàn, tổng thời hạn vay vốn không vượt quá một chu kỳ hoạt động kinh doanh của khách hàng được hiểu như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Thông tư 39, thì tổng thời hạn vay vốn trong phương thức cho vay tuần hoàn không quá 12 tháng kể từ ngày giải ngân ban đầu và không vượt quá một chu kỳ hoạt động kinh doanh của khách hàng. Do vậy, tổng thời hạn cho vay (bao gồm cả thời hạn cho vay theo thỏa thuận ban đầu và thời hạn tự động kéo dài thời hạn không được vượt quá một chu kỳ kinh doanh của khách hàng).

15. Điều 28: Thời hạn cho vay

Câu hỏi 39: Đối với những ngân hàng có thời hạn hoạt động còn lại ngắn, thì ngân hàng có được cho vay lớn hơn thời hạn hoạt động không?

Trả lời: Trường hợp giấy phép hoạt động của TCTD có thời hạn hoạt động còn lại ngắn, thì TCTD không được cho vay vượt quá thời hạn còn lại của giấy phép.

16. Điều 29 và Điều 32: Lưu giữ hồ sơ cho vay

Câu hỏi 40: Hồ sơ đề nghị vay vốn có bao gồm giấy đề nghị vay vốn không?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 9 Thông tư 39, thì hồ sơ đề nghị vay vốn là các tài liệu chứng minh khách hàng đủ điều kiện vay vốn và các tài liệu khác do TCTD quy định. Thông tư 39 bỏ quy định về việc khách hàng phải có giấy đề nghị vay vốn.

Câu hỏi 41: Điểm c khoản 1 Điều 32 quy định trường hợp cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, thì TCTD lưu giữ hồ sơ cho vay bao gồm báo cáo tình hình thu nhập được thực hiện trong thời gian vay vốn, vậy TCTD có cần lưu báo cáo thu nhập trong thời gian thẩm định để quyết định cho vay hay không? Việc thu thập báo cáo này theo quy định của TCTD hay phải theo định kỳ?

Trả lời: Các báo cáo thu thập trong thời gian thẩm định chính là hồ sơ đề nghị vay vốn, vì là các tài liệu chứng minh khách hàng đủ điều kiện vay vốn, nên TCTD cần lưu giữ. Còn việc định kỳ thu thập báo cáo do TCTD xem xét quyết định nhằm kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ của khách hàng.

17. Điều 34: Quy định chuyển tiếp

Câu hỏi 42: Khách hàng vay vốn theo quy định tại Thông tư 39 chỉ bao gồm hai đối tượng là cá nhân và pháp nhân. Trường hợp khách hàng là doanh nghiệp tư nhân ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức tín dụng với TCTD trước ngày 15/3/2017, nếu giải ngân sau ngày 15/3/2017 thì giấy nhận nợ ký với tư cách cá nhân hay doanh nghiệp tư nhân?

Trả lời: Quy định chuyển tiếp tại Điều 34 Thông tư 39 đã quy định về các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày Thông tư có hiệu lực; theo đó, tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của Thông tư 39. Trường hợp hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết có đầy đủ các nội dung tối thiểu phải có theo quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, thì khi khách hàng ký giấy nhận nợ không phải sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết và có thể ký giấy nhận nợ với tư cách là doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết chưa đầy đủ các nội dung tối thiểu phải có theo quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, thì việc ký giấy nhận nợ (thỏa thuận cụ thể) phải có đầy đủ các thông tin để đảm bảo hợp đồng tín dụng hạn mức và giấy nhận nợ (thỏa thuận cụ thể) có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư 39 và tư cách vay vốn phải là cá nhân.

Câu hỏi 43: Theo quy định tại khoản 2 Điều 34 thì trường hợp hợp đồng tín dụng có thỏa thuận thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 01 năm nhưng có thêm điều khoản tự động gia hạn trong hợp đồng thì Ngân hàng có phải dừng việc duy trì hạn mức tín dụng đó vào thời điểm tự động gia hạn không?

Trả lời: Trường hợp hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 01 năm và có thêm điều khoản tự động gia hạn trong hợp đồng, thì việc gia hạn (sửa đổi, bổ sung) phải thực hiện theo quy định tại Thông tư 39.

VIỆT NAM

Câu hỏi 44: Các hợp đồng tín dụng đã ký trước ngày Thông tư 39 có hiệu lực và đã giải ngân, nhưng chưa đến thời hạn trả nợ có được áp dụng hình thức cho vay tuần hoàn hoặc quay vòng cho những khoản giải ngân đó không?

Trả lời: Đối các hợp đồng tín dụng đã ký kết trước ngày Thông tư 39 có hiệu lực, thì TCTD và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng đã ký kết; trường hợp bổ sung phương thức cho vay tuần hoàn, quay vòng, thì TCTD phải sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Thông tư 39. / 
